

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **418/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 30-9-2024
V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

2. Ông Trần Công Danh

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1836/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 366/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 477/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Trần Thị L**, sinh năm 1990 – Vắng mặt.

Địa chỉ thường trú: Ấp P, xã L, huyện T, tỉnh A.

Nơi ở hiện nay: 14/1, đường T, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh B.

Bị đơn: **Ông Mai Văn C**, sinh năm 1990 – Vắng mặt.

Địa chỉ thường trú: 2/3B, khu phố Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng bà kết hôn vào năm 2013, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã H (Nay là phường H), thành phố B, tỉnh Đ, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống tại gia đình chồng, vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính do bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã, chửi bới lẫn nhau. Do mâu thuẫn ngày càng lớn nên bà dẫn con ra ngoài sinh sống từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian trên, cả hai cũng không còn liên lạc

hay qua lại gì với nhau nữa. Do vậy, tình cảm vợ chồng đến nay cũng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung Mai Thị Kim C1, sinh ngày 31/10/2017. Ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Mai Văn C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không đến Tòa án làm việc và không có bản khai nộp Tòa án.

****Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trần Thị L; Về con chung: Ông bà có 01 con chung Mai Thị Kim C1, sinh ngày 31/10/2017. Hiện cháu C1 còn nhỏ nên đề nghị giao con chung cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, do bà L không yêu cầu nên tạm thời ông C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết để hai bên tự thỏa thuận với nhau; Nợ chung: bà L trình bày không có. Tuy nhiên, do chưa lấy được lời khai của ông C nên đề nghị tách phần tài sản chung và nợ chung để giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị L có đơn xin vắng mặt khi xét xử; bị đơn ông Mai Văn C mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tòa để tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà L và ông C.

[2] Về thẩm quyền: Bà Trần Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Mai Văn C, có địa chỉ thường trú tại số nhà 2/3B, khu phố Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[3] Về quan hệ pháp luật và pháp luật áp dụng:

Bà Trần Thị L và ông Mai Văn C kết hôn vào năm 2013 có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã H (Nay là phường H), thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ Điều 9,

Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, công nhận hôn nhân giữa bà L và ông C là hợp pháp. Bà L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông C và con chung, đây là quan hệ tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Qua đơn khởi kiện ly hôn của bà L, tại bản tự khai và lời trình bày tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông C là có thật. Mặc dù, Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn giữa bà và ông C nhưng địa phương không nắm được do các bên không yêu cầu hòa giải tại địa phương. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa các bên thể hiện ở việc cả hai đã không còn sống chung với nhau, và ông C cũng không có thiện chí hòa giải hàn gắn đoàn tụ với bà L điều này thể hiện qua việc ông C đã không đến tòa trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Nhận thấy, mục đích hôn nhân giữa bà L và ông C từ lâu đã không còn đạt được nên nếu có tạo điều kiện về thời gian cho cả hai hòa giải hàn gắn cũng không có kết quả. Vì vậy, căn cứ Điều 56, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận đơn xin ly hôn của bà L, giải quyết cho bà L được ly hôn ông C.

[5] Về con chung: Ông bà có 01 con chung Mai Thị Kim C1, sinh ngày 31/10/2017. Xét thấy, cháu C1 còn nhỏ và hiện do bà L là người đang trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu C1 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà L không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời ông C chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: bà L trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có. Tuy nhiên, do chưa lấy được lời khai của ông C nên tách phần tài sản chung và nợ chung để giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

[7] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Điều 147, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Mai Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Thị Kim C1, sinh ngày 31/10/2017 cho bà Trần Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, tạm thời ông Mai Văn C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Mai Văn C không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo thủ tục pháp luật quy định.

3. Về tài sản và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí HNGĐST: Nguyên đơn bà Trần Thị L phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004635 ngày 08/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

5. Bà Trần Thị L và ông Mai Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Đương sự (2);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Diệp